

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2021

V/v ly hôn giữa chị T và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Nhung

Ông Đỗ Quang Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-5-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐST-HNGĐ ngày 27-5-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 8, xã Tân Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Anh T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 62/188 đường Trần Quang Khải, phường Năng Tĩnh, thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 23-3-2021, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận được khoảng một

thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hòa hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, anh T không có trách nhiệm với gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4-2020 cho đến nay. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh Lê Anh T không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng không có biện pháp khắc phục. Chị có nguyện vọng ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Lê Thị Phương A, sinh ngày 08-5-2005; Lê Khánh L, sinh ngày 24-4-2007 và Lê Anh P, sinh ngày 29-8-2016. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với anh Lê Anh T theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Tại biên thu thập tài liệu chứng cứ ngày 4-2021 tại chính quyền địa phương đã xác nhận tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm và hiện nay anh chị đã sống ly thân. Vợ chồng anh chị có 03 con chung, hiện nay các con đang sinh sống cùng chị T. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, anh T không có trách nhiệm với gia đình. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Lê Anh T. Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 03 con sau khi vợ chồng ly hôn, xét thực tế hiện nay 03 con đang sinh sống ổn định cùng

chị T, anh T không có trách nhiệm gì, anh T không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm về con chung, cháu Lê Thị Phương A và cháu Lê Khánh L có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung là Lê Thị Phương A, sinh ngày 08-5-2005; Lê Khánh L, sinh ngày 24-4-2007 và Lê Anh P, sinh ngày 29-8-2016. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị T là nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường xã Tân Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo số đăng ký 04 ngày 27-02-2004 nên hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của chị T và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Anh T có quan hệ tình cảm với người khác và không có trách nhiệm với gia đình. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị T và anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 03 con sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy hiện tại 03 con đang sinh sống ổn định cùng chị T, anh T không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm về con chung. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, ổn định về sinh

hoạt, tâm lý cũng như nơi ở của con, đồng thời xét nguyện vọng của cháu Lê Thị Phương A và cháu Lê Khánh L đều muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung là Lê Thị Phương A, sinh ngày 08-5-2005; Lê Khánh L, sinh ngày 24-4-2007 và Lê Anh P, sinh ngày 29-8-2016 theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T không yêu cầu anh Lê Anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Bùi Thị T là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Lê Anh T.

2. Về con chung: Giao ba con chung là Lê Thị Phương A (giới tính: Nữ), sinh ngày 08-5-2005; Lê Khánh L (giới tính: Nữ), sinh ngày 24-4-2007 và Lê Anh P (giới tính: Nam), sinh ngày 29-8-2016 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T không yêu cầu anh Lê Anh T cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm

nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Bùi Thị T đã nộp tại biên lai số 0003595 ngày 23-3-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Anh T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Bùi Thị T và anh Lê Anh T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tống Thị Kim Phụng